

các quy định của Bản Điều lệ này cũng như những Nghị quyết của Hiệp hội, Ban chấp hành sẽ xem xét để áp dụng các hình thức kỷ luật tương ứng.

Chương VII

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 21. Chỉ có Hội nghị toàn thể các thành viên của Hiệp hội mới có quyền sửa đổi hoặc bổ sung bản Điều lệ này.

Điều 22. Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Bộ Nội vụ ra quyết định phê duyệt./.

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Nội vụ số 34/2003/QĐ-BNV ngày 20/6/2003 về việc phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia.

BỘ TRƯỞNG BỘ NỘI VỤ

Căn cứ Sắc lệnh số 102/SL-L004 ngày 20/5/1957 quy định về quyền lập Hội;

Căn cứ Nghị định số 45/2003/NĐ-CP ngày 09/5/2003 của Chính phủ về việc quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nội vụ;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia và của Vụ trưởng Vụ tổ chức phi Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt bản Điều lệ (sửa đổi) của Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia đã được Đại

hội toàn quốc lần thứ II ngày 12 tháng 3 năm 2003 thông qua.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chủ tịch Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia, Vụ trưởng Vụ tổ chức phi Chính phủ chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Nội vụ

Thứ trưởng

ĐẶNG QUỐC TIẾN

ĐIỀU LỆ Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia.

Chương I

TÊN GỌI, MỤC ĐÍCH, NHIỆM VỤ

Điều 1. Tên gọi: Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia.

Điều 2. Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia là tổ chức xã hội, thành viên của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam, hoạt động theo Điều lệ của Hội, phù hợp với luật pháp hiện hành của nước CHXHCN Việt Nam và tôn chỉ mục đích của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Mục đích của Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia là góp phần tăng cường sự hiểu biết lẫn nhau, củng cố và phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác nhiều mặt giữa hai nước Việt Nam và Indonesia. Đối tác chính của Hội là các tổ chức có quan hệ hữu nghị và hợp tác với Việt Nam, các cơ quan đại diện ngoại giao, thương mại của Cộng hòa

Indonesia tại Việt Nam, các tổ chức xã hội, các nhà doanh nghiệp, các nhân sĩ trí thức ở Indonesia vì lợi ích của nhân dân hai nước, vì hòa bình, ổn định, hợp tác và phát triển ở khu vực và trên thế giới.

Điều 3. Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng.

Điều 4. Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia có nhiệm vụ:

- Phối hợp giới thiệu, thông tin cho các tầng lớp nhân dân Indonesia về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Việt Nam, cũng như chính sách đối ngoại rộng mở, đa dạng hóa, đa phương hóa của Việt Nam.

- Giới thiệu, thông tin cho các tầng lớp nhân dân Việt Nam về lịch sử, đất nước, con người, nền văn hóa và những thành tựu xây dựng đất nước của nhân dân Indonesia cũng như về mối quan hệ hữu nghị truyền thống giữa nhân dân Việt Nam với nhân dân Indonesia và sự hợp tác nhiều mặt giữa hai nước.

- Làm cầu nối để thúc đẩy các hoạt động hợp tác kinh tế, văn hóa, du lịch, khoa học kỹ thuật, y tế, thể thao... góp phần vào sự phát triển quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân Việt Nam và nhân dân Indonesia.

- Tổ chức trao đổi các đoàn hữu nghị, trao đổi thông tin, hội thảo, gặp gỡ với các tổ chức hữu nghị, các nhà doanh nghiệp Indonesia - Việt Nam cũng như với các cá nhân và các tổ chức kinh tế - xã hội của Indonesia mong muốn thúc đẩy quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước.

Chương II

HỘI VIÊN - THÀNH VIÊN

Điều 5. Những tổ chức, công dân Việt Nam tán thành Điều lệ của Hội, tự nguyện xin gia nhập

Hội và được Ban Thường vụ của Ban Chấp hành Hội đồng ý, sẽ được gia nhập Hội. Các tổ chức sẽ trở thành các tổ chức thành viên và cá nhân sẽ trở thành hội viên của Hội.

Điều 6. Các tổ chức thành viên và hội viên có nhiệm vụ:

- Chấp hành Điều lệ, các nghị quyết và chủ trương của Hội.

- Tham gia đầy đủ các hoạt động và sinh hoạt của Hội.

- Đóng góp vào tài chính của Hội.

Điều 7. Các tổ chức thành viên và hội viên có quyền:

- Tham gia thảo luận, đóng góp ý kiến xây dựng và biểu quyết thông qua các quyết định, chủ trương và chương trình hoạt động của Hội.

- Được Hội giúp đỡ và tạo điều kiện thuận lợi để hoạt động nhằm mục đích góp phần tăng cường quan hệ hữu nghị và hợp tác giữa nhân dân hai nước Việt Nam và Indonesia trên các lĩnh vực văn hóa, xã hội, kinh tế, khoa học kỹ thuật phù hợp với mục tiêu của Hội.

- Được tham gia bầu cử, ứng cử vào các cơ quan lãnh đạo các cấp của Hội.

- Hội viên được quyền xin ra khỏi Hội.

Điều 8. Xóa tên và khai trừ hội viên:

1. Hội viên muốn ra khỏi Hội phải có thư thông báo với cấp có thẩm quyền của Hội để xóa tên trong danh sách hội viên.

2. Hội viên hoạt động trái với Điều lệ và nghị quyết của Hội sẽ bị xóa tên trong danh sách hội viên.

Chương III

TỔ CHỨC CỦA HỘI

Điều 9. Hội Hữu nghị Việt Nam - Indonesia tổ chức theo nguyên tắc dân chủ và hiệp thương

thống nhất. Lãnh đạo Hội được bầu thông qua bầu cử dân chủ và biểu quyết theo đa số (lấy đa số là 2/3 trở lên). Trường hợp đặc biệt không bầu được thì Ban Chấp hành lâm thời của Hội sẽ được chỉ định, nhưng không quá thời hạn một nhiệm kỳ.

Điều 10. Tổ chức Hội gồm Hội Trung ương, các Hội ở địa phương tham gia làm thành viên của Hội Trung ương, các Câu lạc bộ và các Chi hội trực thuộc Trung ương Hội.

Ở địa phương theo yêu cầu và điều kiện cụ thể, nếu có nhu cầu lập Hội sẽ do Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương xem xét và quyết định.

Hội Trung ương có trách nhiệm hướng dẫn các tổ chức thành viên trực thuộc xây dựng Điều lệ, tổ chức và hoạt động, đảm bảo tính thống nhất trong việc thực hiện chủ trương, đường lối đối ngoại của Đảng và Nhà nước.

Điều 11. Cơ quan lãnh đạo cao nhất của Hội là Đại hội đại biểu toàn quốc hoặc Đại hội toàn thể. Đại hội họp 5 năm một lần, có nhiệm vụ thảo luận báo cáo của Ban Chấp hành Trung ương Hội, thông qua các nghị quyết, xem xét sửa đổi Điều lệ, bầu Ban Chấp hành Trung ương Hội.

1. Ban Chấp hành Trung ương Hội là cơ quan lãnh đạo mọi hoạt động của Hội giữa hai kỳ Đại hội.

1.1. Ban Chấp hành Trung ương Hội bao gồm: Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Tổng Thư ký, các ủy viên Thường vụ và các ủy viên Ban Chấp hành.

1.2. Ban Chấp hành Trung ương Hội quyết định các chủ trương, biện pháp thi hành những nghị quyết của Đại hội toàn thể đề ra; chỉ đạo các tổ chức Hội thành viên hoạt động, tham gia các hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam. Ban Chấp hành Trung ương Hội họp một năm một lần.

2. Chủ tịch Hội có trách nhiệm:

2.1. Lãnh đạo, quản lý mọi hoạt động của Hội; cùng với Ban thường vụ điều hành các kỳ họp của Ban Chấp hành.

2.2. Thay mặt Ban Chấp hành phối hợp với các cơ quan quản lý ngành thực hiện các hoạt động trong quan hệ đối nội, đối ngoại của Hội. Tham gia vào các hoạt động của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

Các Phó Chủ tịch Hội có trách nhiệm thay mặt Chủ tịch Hội chỉ đạo từng khối công việc của Hội và thay mặt Chủ tịch Hội khi Chủ tịch vắng.

3. Ban Thường vụ do Ban Chấp hành Trung ương Hội cử, bao gồm Chủ tịch, các Phó Chủ tịch, Ban Thư ký (có thể có Tổng Thư ký hoặc thư ký) và các ủy viên Ban Thường vụ. Ban Thường vụ họp 6 tháng 1 lần và có trách nhiệm:

3.1. Chỉ đạo Ban Thư ký chuẩn bị nội dung các kỳ họp Ban Chấp hành và tổ chức thực hiện các Nghị quyết của Đại hội, các Nghị quyết của Ban Chấp hành Trung ương Hội. Cùng với Chủ tịch Hội điều hành các kỳ họp của Ban Chấp hành.

3.2. Hướng dẫn các tổ chức Hội thành viên thực hiện các Nghị quyết của Trung ương Hội.

3.3. Giải quyết các khiếu nại, tố cáo, bảo vệ quyền lợi chính đáng của hội viên và tổ chức thành viên khi bị xâm phạm, giải quyết những vấn đề khó khăn của cá nhân hay tổ chức thành viên trong việc thực hiện Điều lệ này.

4. Ban Thư ký do Ban Thường vụ cử, bao gồm Tổng thư ký và thư ký, có trách nhiệm:

4.1. Giúp Ban Thường vụ chuẩn bị nội dung các kỳ họp và triệu tập các kỳ họp.

4.2. Giúp Ban Thường vụ và Ban Chấp hành theo dõi, giúp đỡ các tổ chức thành viên thực hiện các Nghị quyết của Hội nghị Trung ương Hội.

4.3. Quản lý tài sản, cơ sở vật chất, tài liệu và tài chính của Hội.

5. Ban Chấp hành Hội ở các tỉnh, thành phố và các tổ chức thành viên căn cứ vào những điều khoản quy định trong Điều lệ này, căn cứ vào các Nghị quyết của các cơ quan lãnh đạo của Trung ương Hội để làm cơ sở nội dung hoạt động của tổ chức mình.

Điều 12. Số lượng ủy viên Ban Chấp hành Trung ương Hội và các Hội thành viên do Đại hội ở đó quyết định, trong đó bao gồm cả các Ban Thường vụ. Số người trong Ban Thường vụ không được quá 1/3 số ủy viên Ban Chấp hành. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành Trung ương Hội là 5 năm. Nhiệm kỳ của Ban Chấp hành các Hội thành viên do Hội thành viên quyết định.

Điều 13. Chế độ phối hợp công tác trong nội bộ Hội:

1. Trung ương Hội phối hợp, hướng dẫn, hỗ trợ các Hội thành viên ở các địa phương hoạt động.

2. Các Hội thành viên ở địa phương chủ động trong các hoạt động theo đúng Điều lệ Hội, không trái với Nghị quyết của Trung ương Hội, hàng quý báo cáo công tác cho Trung ương Hội. Các Hội thành viên ở các địa phương phải phối hợp và chịu sự chỉ đạo của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị của địa phương mình.

Chương IV

TÀI CHÍNH

Điều 14. Tài chính của Hội được xây dựng từ các nguồn sau đây:

- Đóng góp tự nguyện của các hội viên.
- Sự hỗ trợ của Liên hiệp các tổ chức hữu nghị Việt Nam.

- Sự ủng hộ tài chính của các tổ chức và cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

- Nguồn thu từ hoạt động gây quỹ của Hội theo đúng pháp luật của Nhà nước.

Ban Thường vụ các cấp của Hội chịu trách nhiệm quản lý quỹ hoạt động của mình theo chế độ tài chính của Nhà nước.

Chương V

KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT

Điều 15. Những hội viên, cán bộ Hội và tổ chức Hội có thành tích hoạt động công tác hữu nghị, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, hàng năm và mỗi kỳ đại hội được các cấp của Hội xét khen thưởng.

Điều 16. Những hội viên, cán bộ Hội và tổ chức cơ sở vi phạm Điều lệ của Hội, làm tổn thương đến danh dự của Hội, tùy theo mức độ sai lầm, có thể bị thi hành kỷ luật khiển trách, cảnh cáo, cách chức hoặc khai trừ ra khỏi Hội.

Việc thi hành kỷ luật hội viên, tùy theo mức độ, sẽ do Ban Chấp hành Hội cấp địa phương hoặc Trung ương quyết định.

Chương VI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 17.

- Bản Điều lệ này đã được Đại hội đại biểu toàn quốc của Hội thông qua ngày 12/3/2003 tại Hà Nội. Chỉ có Đại hội toàn quốc của Hội mới có quyền sửa đổi Điều lệ.

- Bản Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền phê duyệt./.